

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05-02-2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Cường.

2. Ông Lê Anh Nhất.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

ĐKNKTT: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1975.

ĐKNKTT: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình N kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh

Thanh Hóa ngày 20/9/1999. Trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng tự hòa giải được. Những năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm, không chăm lo đến gia đình, vợ con. Chị có khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi mà còn đánh chị. Mâu thuẫn gia đình xảy ra, anh em trong gia đình cũng đã nhiều lần động viên hòa giải nhưng anh N vẫn không thể cải thiện được. Vì không thể chịu đựng được nên tháng 5 năm 2019 chị đưa con về bên ngoại ở và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Mặc dù hai bên nội ngoại gần nhau nhưng hơn một năm qua anh N không quan tâm đến các con, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 17/10/2000 và Nguyễn Đình Việt H, sinh ngày 06/02/2007. Hiện nay cháu T1 đã thành niên, tự lo cuộc sống. Chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Việt H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn Nguyễn Đình N:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N đến làm việc nhiều lần nhưng anh N vẫn không có mặt. Vì vậy không có lời khai của anh N và không tiến hành được phiên hòa giải giữa các bên đương sự.

Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2020 bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ anh Nguyễn Đình N trình bày: anh Nguyễn Đình N là con trai bà kết hôn với chị Nguyễn Thị T năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình sống chung, vợ chồng anh N, chị T có 2 con chung là Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Đình Việt H. Hiện nay chị T đã đưa hai con về nhà ngoại ở. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N uống rượu và có đánh chị T. Nguyên vọng của bà là muốn Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng về đoàn tụ. Còn anh N hiện tại đang đi làm ăn xa, không có nhà, bà không biết anh N đi làm ở đâu nhưng vẫn thường điện thoại về và bà đã thông báo cho anh N biết việc chị T xin ly hôn cũng như thông báo cho anh N biết những lần Tòa án triệu tập làm việc.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

** Về tố tụng:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp

luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị T được ly hôn anh N.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung là Nguyễn Đình Việt H, sinh ngày 06/02/2007 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:*Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình N có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đình N vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải

giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình N thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 21/01/2021 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Nguyễn Đình N, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Nguyễn Đình N, tuy nhiên anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh N là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn ngày 20/9/1999. Sau khi kết hôn, thỉnh thoảng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng tự hòa giải được. Đến thời gian gần đây do anh N không tu trí làm ăn, thường xuyên uống rượu và không quan tâm đến vợ con, khi chị T khuyên can thì anh N đánh chị. Vì vậy chị đã đưa con chung về nhà mẹ đẻ từ tháng 5/2019 và vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau từ đó đến nay.

Nay chị T xác định không còn tình cảm gì với anh N nữa, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 17/10/2000 và Nguyễn Đình Việt H, sinh ngày 06/02/2007. Hiện nay cháu T1 đã thành niên, tự lo cuộc sống. Chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Đình Việt H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của chị T thấy rằng: Chị T và anh N kết hôn với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng không tìm cách giải quyết mà chị T đưa con về mẹ đẻ sinh sống, hai bên sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau. Khi chị T làm đơn xin ly hôn, Tòa án đã triệu tập anh N đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng anh N vẫn không có mặt để làm việc. Điều đó chứng tỏ anh không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài. Vì vậy cần căn cứ vào điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Cháu Nguyễn Thị T1 đã thành niên nên chị T không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Cháu Nguyễn Đình Việt H sinh ngày 06/02/2007, hiện đang sống cùng với chị T và cháu H cũng có đề nghị được ở cùng với chị T khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy để tránh việc sáo trộn cuộc sống của cháu và bảo đảm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, cần giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Việt H, sinh ngày 06/02/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002240 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, ghi nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị T, vắng mặt anh N. Chị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể

từ ngày tuyên án, anh N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Kỳ Anh